TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/DS-PT
Ngày: 14 - 9 - 2023
V/v: Tranh quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Dương Viết Hải.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thái Sơn và bà Hoàng Thị Thanh Nhàn.

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Mai Ly -Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại phòng xét xử dân sự. Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 41/2023/TLPT-DS ngày 24 tháng 7 năm 2023 về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất". Do Bản án sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2941/2023/QĐXXPT-DS ngày 25 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Cao Văn Ch, sinh năm 1979 và chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn L, xã Tr, huyện M, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Tình: Anh Cao Văn Ch. Anh Ch có mặt, chị T vắng mặt.

Bị đơn: Anh Cao Xuân T, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn L, xã Tr, huyện M, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Bình

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Bắc V- Chức vụ: Chủ tịch;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Minh T- Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân xã Tr

Địa chỉ: Thôn L, xã Tr, huyện M, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện: Ông Cao Xuân D - Chủ tịch UBND xã Trung Hóa, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Cao Văn Ch trình bày:

Thửa đất số 457, tờ bản đồ số 27, tại Thôn L, xã Tr, huyện M, tỉnh Quảng Bình thuộc quyền sử dụng của gia đình ông Cao Văn Ch và bà Nguyễn Thị T, có nguồn gốc do anh Ch làm đơn xin cấp đất xây dựng điểm thu gom chế biến mủ cao su gửi UBND xã Tr vào ngày 27 tháng 7 năm 2006. Sau khi nhận được đơn, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện M tiến hành trích đo theo sơ đồ do UBND xã bàn giao ngày 05/8/2006, UBND xã Tr đã tiến hành cắm mốc, bàn giao mặt bằng cho anh Ch với tổng diện tích 4.000m^2, chiều ngang mặt tiền theo đường mòn Hồ Chí Minh là 40m, chiều dài là 100m. Sau khi được bàn giao mặt bằng anh Ch đã làm nhà và tiến hành kinh doanh mủ cao su. Đến tháng 7 năm 2007, anh lập gia đình về đó ở, ngừng kinh doanh mủ cao su và chuyển sang kinh doanh quán cà phê. Năm 2008, có anh Cao Xuân T và ông Đinh Xuân Th ra làm nhà ở phía trên nhà anh, hộ gia đình anh T ở trên một phần đất mà UBND xã đã cắm mốc cho anh. Đến năm 2009, gia đình anh T và ông Th bỏ đi chỗ khác ở để lại đất trống. Trong suốt quá trình anh ở từ tháng 8 năm 2006 đến năm 2018, không xảy ra kiện cáo, tranh chấp đất với ai. Đến tháng 3 năm 2018, anh Ch làm đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Ngày 11/5/2018 anh Ch, chị T đã được cấp giấy CNQSDĐ số phát hành CL 544309, thửa đất số 457, tờ bản đồ số 27, diện tích 4.121m^2 tại Thôn L, xã Tr, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Đến tháng 9 năm 2021, anh Cao Xuân T quay lại rào và dựng ốt lên thửa đất của anh Ch đã được cấp giấy CNQSDĐ. Tại buổi hòa giải tại xã, anh T không cung cấp được giấy tờ, tài liệu chứng minh nguồn gốc thửa đất. Việc cấp đất cho anh Ch đảm bảo đúng quy định pháp luật. Anh T khai anh Ch có múc đất làm ranh giới nhưng thực tế anh Ch khai là múc để làm móng nhà. Vì vậy, anh Ch khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Cao Xuân T trả lại quyền sử dụng đất cho anh do không do đạc chuẩn xác nên vào khoảng 1.000m² và buộc anh T phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những hành vi vu khống anh Ch, có thái độ tôn trọng, xin lỗi anh Ch vì đã gây ảnh hưởng đến danh dự và uy tín của bản thân anh Ch, làm ảnh hưởng đến tập thể.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Cao Xuân T trình bày: Thửa đất số 457, tờ bản đồ số 27, tại Thôn L, xã Tr, huyện M, tỉnh Quảng Bình anh đã đến ở từ tháng 6 năm 2007, anh ở được 02 năm thì con trai của anh bị mất do đuối nước, nên anh chuyển về ở trong đất của gia đình bố đẻ anh. Sau khi ổn định, sắp xếp lại việc gia đình, đến năm 2021 anh chuyển lại về ở trên đất của anh, dựng ốt và rào lại đất trước đây anh ở. Anh T khai phần đất trước đây anh ở có ranh giới do anh Ch múc một cái rảnh và khu vực anh rào còn có nền bê tông trước đây anh ở đó. Nay anh Ch khởi kiện, anh không chấp nhận với yêu cầu của anh Ch. Vì anh không lấn chiếm đất của ai cả mà chỉ rào lại phần đất trước đây anh ở. Từ

khi đến ở năm 2007 anh T chưa kê khai đất đai tại chính quyền địa phương và hiện tại chưa có tài liệu chứng cứ gì liên quan đến khu vực đất tranh chấp mà việc ở tại khu vực đất tranh chấp có những người làm chứng biết và làm chứng cho anh.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, của những người làm chứng ông Đinh Văn Th, ông Đinh Quang Tr, ông Đinh Hằng H và ông Cao Xuân H trình bày: Việc anh Cao Xuân T ở trên thửa đất đang tranh chấp và cùng thời điểm đó anh Cao Văn Ch và một số hộ gia đình cùng ở trên đó và những người làm chứng không biết rõ ai lấn đất của ai và không biết anh T và anh Ch ai là người có các tài liệu gì liên quan đến đất đai.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND huyện có ý kiến: Tại Công văn số 10/TNMT ngày 03/4/2023 của UBND huyện M, đại diện UBND huyện, trưởng phòng Tài nguyên môi trường ông Đinh Minh T trình bày trình tự, thủ tục cấp giấy CNQSDĐ cho hộ gia đình anh Cao Văn Ch và chị Nguyễn Thị T đối với thửa đất số 457, tờ bản đồ số 27, xã Tr được thực hiện đúng quy định của Luật Đất đai 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ các văn bản liên quan khác về hướng dẫn dẫn thi hành luật Đất đai.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã Tr trình bày: Việc cấp Giấy chứng chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 457, tờ bản đồ số 27, xã Tr cho hộ anh Cao Văn Ch và chị Nguyễn Thị T được tiến hành đúng theo quy định của Luật đất đai và đúng trình tự thủ tục quy định.

Kết quả thẩm định như sau: Khu vực đất tranh chấp có diện tích là 2.727,5m^2, trong đó diện tích đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CL 544309, thửa đất số 457, tờ bản đồ số 27 cấp cho anh Cao Văn Ch và chị Nguyễn Thị T là 1.289,3m^2 có tứ cận như sau: phía Bắc từ điểm 1 đến điểm 2 có chiều dài 90,75m giáp đất anh Cao Văn Ch; phía Nam từ điểm 3 đến điểm 6 có chiều dài 83,51m giáp đất UBND xã quản lý; phía Đông từ điểm 2 đến điểm 3 có chiều dài 13,65 m giáp đất anh Cao Văn Ch; phía Tây điểm 6 đến điểm 1 có chiều dài 16,37 m giáp đất UBND xã quản lý.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện M: Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35, Điều 143, 146, 147, 156, 165, 166 và Điều 226 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 158; Điều 163; Điều 166; Điều 189 Bộ luật dân sự. Điều 100, Điều 105, Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Cao Văn Ch và chị Nguyễn Thị T buộc anh Cao Xuân T phải trả lại cho anh Cao Văn Ch và chị Nguyễn Thị T diện tích đất đã lấn chiếm là 1.289,3m^2, thuộc thửa đất số 457 tờ bản đồ số 27, địa chỉ thửa đất xã Tr, huyện M, tỉnh Quảng Bình.

Buộc anh Cao Xuân T trả lại cho cho anh Cao Văn Ch và chị Nguyễn Thị T diện tích đất đã lấn chiếm là 1.289,3m, thuộc thửa đất số 457 tờ bản đồ số 27, địa

chỉ thửa đất xã Tr, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Tứ cận thửa đất như sau: Cạnh phía Bắc từ điểm 1 đến điểm 2 có chiều dài 90,75m giáp đất anh Cao Văn Ch; Cạnh phía Nam từ điểm 3 đến điểm 6 có chiều dài 83,51m giáp đất UBND xã quản lý; Cạnh phía Đông từ điểm 2 đến điểm 3 có chiều dài 13,65 m giáp đất anh Cao Văn Ch; Cạnh phía Tây điểm 6 đến điểm 1 có chiều dài 16,37 m giáp đất UBND xã quản lý.

Tọa độ và tứ cận thửa đất như sau: Điểm 1: X=4952904800; Y=19611414600; Điểm 2: X=4953756300; Y=19611100700; Điểm 3: X=4953679800; Y=19610987700; Điểm 6: X=495288; Y=19611251800.

Buộc anh Cao Xuân T tháo dỡ và di dời 01 ngôi nhà tạm cột gỗ, thưng ván, nền đất, mái lợp prôximăng, diện tích 10m^2 và hàng rào dây kẽm gai, cột bê tông cốt thép dài 77,7m^2 trên diện tích đất buộc anh T trả lại cho anh Ch và chị T.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án dân sự.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, bị đơn anh Cao Xuân T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện M.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án và đều yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên sửa quyết định của bản án sơ thẩm cho chính xác: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Cao Văn Ch và chị Nguyễn Thị T buộc anh Cao Xuân T phải trả lại cho anh Ch và chị T diện tích đất đã lấn chiếm là 1.289,3m^2, thuộc thửa đất số 457 tờ bản đồ số 27, địa chỉ thửa đất Thôn L, xã Tr, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Buộc anh Cao Xuân T tháo dỡ và di dời 01 ngôi nhà tạm cột gỗ, thưng ván, nền đất, mái lợp prôximăng, diện tích 10m^2 và hàng rào dây kẽm gai, cột bê tông cốt thép dài 77,7m trên diện tích đất tranh chấp. Về án phí và chi phí tố tụng: Anh Cao Xuân T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và 1.500.000 đồng chi phí thẩm định tại chổ. Trả lại cho anh Cao Văn Ch 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại chi Cục Thị hành án dân sự huyện M theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 31AA/2021/0000711 ngày 19/12/2022. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Cao Văn Ch về việc chịu 1.500.000 đồng chi phí thẩm định tại chổ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn anh Cao Xuân T nộp ngày 27/6/2023 là đảm bảo về người, thời hạn, hình thức và nội dung kháng cáo và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, kháng cáo của bị đơn được xem xét theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn anh Cao Xuân T thấy:

[2.1] Xét về nguồn gốc, quá trình sử dụng và việc cấp giấy CNQSDĐ thửa đất tranh chấp thấy: Căn cứ vào ý kiến của các bên đương sự, các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định. Diện tích đất tranh chấp theo kết quả thẩm định tại chổ của Tòa án cấp sơ thẩm xác định là 1.289,3m^2 thuộc thửa đất số 457, tờ bản đồ số 27, diện tích 4.121m^2 thôn L, xã Tr, huyện M, tỉnh Quảng Bình đã được UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL544309 ngày 11/5/2018 mang tên anh Cao Văn Ch và chị Nguyễn Thị T. Nguyên đơn anh Cao Văn Ch từ năm 2006 đã có đơn xin cấp đất xây dựng điểm thu gom chế biến mũ cao su và được UBND xã Tr tiến hành bàn giao mặt bằng diện tích 4000m^2 (chiều rộng dọc theo đường mòn Hồ Chí Minh: 40m, chiều sâu: 100m) có tứ cận điểm xuất phát từ mép cống thoát nước đường Hồ Chí Minh kéo dài về phía Nam 40m, giáp đất UBND xã quản lý. Nguyên đơn ở trên thửa đất ổn định, lâu dài, không có tranh chấp đến năm 2018 đã kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất. Ngày 11/5/2018, UBND huyện M cấp giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền số phát hành CL 544309, số vào sổ CH 02878, thửa đất số 457, tờ bản đồ số 27, diện tích 4.121m^2, mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn 400m^2, đất trồng cây lâu năm 2.825m^2, đất trồng cây lâu năm khác 896m^2, mang tên ông Cao Văn Ch, bà Nguyễn Thị T. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 457, tờ bản đồ số 27, diện tích 4.121m^2 xã Tr được thực hiện đảm bảo theo quy định của Luật Đất đai 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định, Quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và các văn bản khác về hướng dẫn thi hành Luật đất đai.

Anh Cao Xuân T cho rằng năm 2007, gia đình anh ra làm nhà sinh sống, và trồng trọt, sản xuất trên diện tích 1.289,m^2, thuộc thửa đất số 457, tờ bản đồ số 27, thôn L, xã Tr. Sau khi làm nhà gia đình anh T sinh sống được một thời gian khoảng 02 năm, do hoàn cảnh gia đình, nên năm 2009 anh T tháo dở nhà chuyển vào nhà bố mẹ anh sinh sống, nhưng vẫn tiếp tục thực hiện việc trồng trọt, sản xuất và canh tác trên thửa đất từ đó cho đến năm 2018 thì anh T phát hiện thửa đất mà anh đang canh tác đã được UBND huyện M cấp giấy CNQSDĐ cho anh Ch, chị T. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng đất trước đó gia đình anh T không tiến hành kê khai,

đăng ký quyền sử dụng đất với các cơ quan có thẩm quyền. Anh T cũng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến quá trình sử dụng, kê khai đăng ký cũng như quy chủ đối với diện tích đất tranh chấp.

Trong bản đồ địa chính, sổ mục kê không thể hiện tên gia đình anh T và anh T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh gia đình anh sử dụng diện tích đất tranh chấp từ năm 2007 cho đến nay mà không có ai tranh chấp, ý kiến gì, mà chỉ căn cứ vào một số người làm chứng xác nhận để cho rằng nguồn gốc phần diện tích đất gia đình anh sử dụng có nguồn gốc của gia đình anh khai hoang để trồng trọt, sản xuất và canh tác trên thửa đất ổn định, liên tục, nhưng tại biên bản xem xét thẩm định tại chổ không thể hiện cây trồng trên thửa đất, mà chỉ thể hiện ngôi nhà, hàng rào do gia đình anh T mới dựng lại từ năm 2021 để sử dụng là chưa đủ căn cứ. Trong khi đó, gia đình anh Cao Văn Ch đã sử dụng liên tục, kê khai, đăng ký sử dụng đất. Đất đai là tài sản đặc biệt thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý, các cá nhân, tổ chức chỉ có quyền sử dụng đất. Việc trực tiếp sử dụng đất đúng mục đích, ổn định, thực hiện các quy định về quản lý như kê khai đăng ký, thực hiện các nghĩa vụ của người sử dụng đất là các căn cứ để Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu anh Toàn trả lại diện tích đất khoảng 1.000m^2 và buộc anh Cao Xuân T tháo dỡ ngôi nhà, hàng rào để trả lại quyền sử dụng đất cho nguyên đơn là 1.289,3m^2 theo như kết quả thẩm định tại chổ ngày 01/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện M. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại nhận định: quá trình xem xét thẩm định tại chổ khu vực đất tranh chấp theo như anh Ch và anh T chỉ dẫn đo đạc có diện tích là 2.727,5 m^2, nhưng phần thửa đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Ch và chị T là 1.289,3m^2, còn một phần đất tranh chấp thuộc đất của UBND xã Tr quản lý. Do đó, yêu cầu của anh Ch và chị T đòi lại diện tích đất anh T đã lấn chiếm 1.289,3m^2 và tháo dỡ ngôi nhà cấp 4, hàng rào là có căn cứ chấp nhận, nhưng tại khu vực đất tranh chấp chỉ có một phần diện tích đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng của anh Ch và chị T nên Tòa án cấp sơ thẩm quyết định chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Ch và chị T buộc anh T trả lại diện tích đã lấn chiếm 1.289,3m^2 và buộc nguyên đơn chịu 1.500.000 đồng chi phí thẩm định là không chính xác.

Còn yêu cầu của Nguyên đơn buộc anh T phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những hành vi vu khống anh Ch, có thái độ thiếu tôn trọng, xin lỗi anh Ch vì đã gây ảnh hưởng đến danh dự và uy tín của bản thân anh Ch. Quá trình giải quyết vụ án, anh Ch không thể hiện rút hay thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải thích cho nguyên đơn mà chỉ thụ lý về yêu cầu "Tranh chấp quyền sử dụng đất" là chưa chính xác. Tuy nhiên, sau khi nhận thông báo thụ lý nguyên đơn không có ý kiến, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về các hành vi của anh T vu khống, làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín và yêu cầu xin lỗi, nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về "Yêu cầu buộc anh T phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những hành vi vu khống và có thái

độ tôn trọng, xin lỗi anh Ch trước những hành vi vu khống, tố cáo không đúng sự thật, gây ảnh hưởng đến danh dự và uy tín của bản thân anh Ch, làm ảnh hưởng đến tập thể" nên không xem xét mà cần rút kinh nghiệm với Tòa án cấp sơ thẩm về thiếu sót trong việc không đánh giá yêu cầu này của nguyên đơn.

Từ phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ khẳng định nguồn gốc thửa đất tranh chấp là do gia đình anh Ch có đơn xin cơ quan có thẩm quyền giao đất để làm điểm thu mua mủ cao su, sau đó làm nhà sinh sống và đăng ký, kê khai cấp giấy CNQSDĐ và ngày 11/5/2018 được cơ quan có thẩm quyền UBND huyện M, cấp Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CL 544309, số vào sổ CH 02878, thửa đất số 457, tờ bản đồ số 27, diện tích 4.121m^2 mang tên anh Cao Văn Ch, chị Nguyễn Thị T. Gia đình anh Cao Xuân T có sử dụng đất nhưng sau đó bỏ đi sinh sống chổ khác và không đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất với các cơ quan có thẩm quyền, nên không đủ căn cứ để xác định quyền sử dụng đất thuộc gia đình anh T. Ngoài ra, sau khi thửa đất đã được anh Ch đăng ký, kê khai thì gia đình anh T mới tiếp tục đến sinh sống và sử dụng đất, nên việc anh T khai tồn tại tài sản trên đất cũng không phải là cơ sở để xem xét công nhận quyền sử dụng đất. Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Cao Văn Ch, chị Nguyễn Thị T là có căn cứ phù hợp với quá trình sử dụng đất, quá trình đăng ký, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bản đồ địa chính đang được lưu giữ tại các cơ quan có thẩm quyền. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Cao Văn Ch tự nguyện chịu ½ chi phí thẩm định, nên cần ghi nhận sự tự nguyện này.

Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Cao Xuân T mà chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa phần quyết định của bản án sơ thẩm số: 09/2023/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Bình.

[3] Về chi phí tố tụng: Quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm anh Cao Văn Ch đã nộp 3.000.000 đồng; anh Cao Xuân T đã nộp 3.000.000 đồng tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản. Đã chi phí hết số tiền 3.000.000 đồng, Tòa án huyện M đã trả lại cho anh Ch 1.500.000 đồng, anh T 1.500.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm anh Ch tự nguyện thỏa thuận chịu 1.500.000 đồng chi phí thẩm định và định giá tài sản. Việc thỏa thuận của anh Ch là tự nguyện nên cần chấp nhận.

[4] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Kháng cáo của bị đơn anh Cao Xuân T không được Tòa phúc thẩm chấp nhận, nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm. Bị đơn anh Cao Xuân T phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 313; khoản 9 Điều 26; Điều 34, Điều 37, Điều 39, 147, 157, 158, 164, 165, 166 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 97, 99, 100, 202, 203 Luật Đất đai; khoản 2 Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo bị đơn của anh Cao Xuân T.

2. Sửa bản án sơ thẩm số: 09/2023/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Bình.

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Cao Văn Ch, chị Nguyễn Thị T. Buộc anh Cao Xuân T phải trả lại cho anh Cao Văn Ch và chị Nguyễn Thị T diện tích đất đã lấn chiếm là 1.289,3m^2, thuộc thửa đất số 457, tờ bản đồ số 27, diện tích 4120,6m2, tại Thôn L, xã Tr, huyện M, tỉnh Quảng Bình được UBND huyện M cấp giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền số phát hành CL 544309, số vào sổ CH 02878, ngày 11/5/2018, mang tên ông Cao Văn Ch, bà Nguyễn Thị T.

Có tứ cận thửa đất như sau: Cạnh phía Bắc từ điểm 1 đến điểm 2 có chiều dài 90,75m giáp đất ông Cao Văn Ch; Cạnh phía Nam từ điểm 3 đến điểm 6 có chiều dài 83,51m giáp đất UBND xã quản lý; Cạnh phía Đông từ điểm 2 đến điểm 3 có chiều dài 13,65 m giúp đất ông Cao Văn Ch, Cạnh phía Tây từ điểm 6 đến điểm 1 có chiều dài 16,37 m giáp đất UBND xã quản lý. Tọa độ và tứ cận thửa đất như sau. Điểm 1: X-4952904800; Y=19611414600; Điểm 2: X=4953756300; Y=19611100700; Điểm 3: X-4953679800; Y-19610987700; Điểm 6: X=495288; Y-19611251800.

Buộc anh Cao Xuân T tháo dỡ và di dời 01 ngôi nhà tạm cột gỗ, thưng ván, nền đất, mái lợp prôximăng, diện tích 10m^2 và hàng rào dây kẽm gai, cột bê tông cốt thép dài 43,07m trên diện tích đất 1.289,3m^2 để trả lại diện tích đất cho anh Ch, chị T.

4. Về chi phí tố tụng: Bị đơn anh Cao Xuân T phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) chi phí thẩm định tại chổ và định giá tài sản. Nguyên đơn anh Cao Văn Ch tự nguyện chịu 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) chi phí thẩm định tại chổ và định giá tài sản. Số tiền này nguyên đơn và bị đơn đã nộp đủ và chi phí hết.

5. Về án phí: Buộc bị đơn anh Cao Xuân T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí phúc thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 31AA/2021/0000794 ngày 04/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Quảng Bình. Bị đơn anh Cao Xuân T phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí sơ thẩm để sung vào ngân sách nhà nước.

Trả lại cho anh Cao Văn Ch 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 31AA/2021/0000711 ngày 19/12/2022.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (ngày 14/9/2023).

Nơi nhận:
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh QB (P9);
- TAND huyện Minh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Minh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Viết Hải